TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIẾN XƯƠNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12-9-2023
V/v Ly hôn giữa chị T – anh D

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Tuấn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Đức Bường;
2. Bà Đoàn Thị Duyên.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Trần Thị Xuân T, sinh năm 1998.

Bị đơn: anh Tô Tiến D, sinh năm 1996.

Đều có địa chỉ tại: thôn A, xã T, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

(Chị Thu có mặt; anh Dũng vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Xuân T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh D kết hôn với nhau ngày 10/9/2019. Anh chị đã có thời gian tìm hiểu và việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Khi đó anh D làm công ty may còn chị làm kinh doanh tại nhà. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2021 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D không chịu làm ăn, thường xuyên chơi bời lô đề,

cờ bạc, có mối quan hệ khác giới. Biểu hiện của mâu thuẫn giữa anh chị là nhiều cuộc tranh cãi hơn, số lần anh D đánh vợ cũng tăng dần, đầu năm 2023 anh chị sống ly thân. Hiện nay chị T cảm thấy không thể sống chung đợc và cũng không còn tình cảm với anh D, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Tô Tiến D.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là Tô Xuân D, sinh ngày 12/02/2020, hiện nay do chị nuôi dưỡng. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và anh D phải chu cấp tiền nuôi con mức 1.500.000 đồng/tháng.

Tại phiên tòa, chị T xin rút yêu cầu về việc buộc anh Dũng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị T xác định không yêu cầu anh D góp cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại chị bán hàng tạp hoá tại gia đình thu nhập hàng tháng khoảng 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản: chị T xác định vợ chồng chị không có tài sản chung; không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung giữa chị và anh D.

Biên bản xác minh ngày 21/6/2023 tại xã T, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình do ông Trần Xuân T (là bố đẻ chị T) cung cấp nội dung như sau:

Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh D đăng ký kết hôn ngày 10/9/2019 tại UBND xã T, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng gia đình tại thôn A, xã T. Quá trình anh chị chung sống, do anh D chơi bời, nợ nần nhiều, gia đình và chị T nhiều lần phải trả nợ thay. Gia đình cùng hết lời khuyên giải, phân tích, tạo điều kiện về công việc cho anh Dũng nhưng anh vẫn chứng nào tật ấy không tu chí làm ăn. Hiện nay gia đình chị T có quan điểm về quan hệ hôn nhân của anh D chị T tùy thuộc và anh chị tự xem xét và quyết định.

Về con chung: chị T anh D có 01 con chung là Tô Xuân D, sinh ngày 12/02/2020. Hiện cháu D đang sống cùng chị T.

Về tài sản: anh D chị T không có tài sản chung; không có nợ chung.

Biên bản xác minh ngày 21/6/2023 tại xã T, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình do ông Tô Vĩnh D (là bố đẻ anh D) cung cấp nội dung như sau:

Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh D đăng ký kết hôn ngày 10/9/2019 tại UBND xã T, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại thôn A, xã T. Giữa chị T anh D có chuyện bất đồng quan điểm, gia đình hai bên cũng biết và khuyên giải cho anh chị hòa giải mâu thuẫn để tiếp tục chung sống. Hiện nay anh D đang đi làm ăn nhưng không biết địa chỉ cụ thể. Gia đình chủ yếu liên lạc với anh thông qua zalo. Các văn bản tố tụng Tòa án gửi về

gia đình đều đã nhận được và thông báo cho anh D.

Về con chung: chị T anh D có 01 con chung là Tô Xuân D, sinh ngày 12/02/2020. Hiện cháu D đang sống cùng chị T.

Về tài sản: anh D chị T không có tài sản chung; không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70,71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội đề nghị:

- Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Xuân T được ly hôn anh Tô Tiến D.

- Về con chung: Giao con chung Tô Xuân D, sinh ngày 12/02/2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Thu không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

- Về án phí: chị Thu phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* chị Trần Thị Xuân T khởi kiện xin ly hôn anh Tô Tiến D có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã T, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Trong quá trình giải quyết vụ án, gia đình anh D trao đổi thông tin về việc chị T xin ly hôn anh qua zalo, nhưng anh D không cung cấp địa chỉ cụ thể hiện nay của anh, cũng không có mặt theo triệu tập của Tòa án nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh.

[2] Về hôn nhân: chị Trần Thị Xuân T và anh Tô Tiến D đã tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 10/9/2019 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện Kiến

Xương, tỉnh Thái Bình, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa chị T và anh D có bất đồng quan điểm và mâu thuẫn, đã được cả hai bên gia đình tác động nhưng không giải quyết được. Từ khoảng đầu năm 2023 đến nay anh chị không chung sống cùng nhau, không cùng thực hiện các quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng đối với nhau. Như vậy có căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần xử cho chị T được ly hôn với anh D.

[3] Về nuôi con chung: anh chị có 01 con chung là Tô Xuân D, sinh ngày 12/02/2020. Con chung đang sống cùng chị T tại thôn A, xã Thanh Tân, huyện Kiến Xương hiện có cuộc sống ổn định, được phát triển khỏe mạnh, bình thường. Bản thân chị T có thu nhập và có nơi ở ổn định, có đầy đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Xét thấy chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung sau khi ly hôn, là yêu cầu chính đáng, cần được chấp nhận, giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Tô Xuân D sau khi ly hôn.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: chị T không yêu cầu anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng, là hoàn toàn tự nguyện, nên cần được chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung:* các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 21, khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271, Điều 272, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Xuân T ly hôn anh Tô Tiến D.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Tô Xuân D, sinh ngày 12/02/2020 sau khi ly hôn. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi chị T, anh D có yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: chị Trần Thị Xuân T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng chị đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001869 ngày 06/4/2023 sang thi hành án phí. Chị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Xuân T có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Tô Tiến D vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Kiến Xương;*
- *Chi cục THADS huyện Kiến Xương;*
- *UBND xã T;*
- *TAND tỉnh Thái Bình;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Phan Anh Tuấn